

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2730/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc “*Ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1976

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số một do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/8/1998;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

P. 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Minh T với bà Lê Thị Kim

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Có con chung tên Phạm Lê Phương D, sinh năm 2000 (đã trưởng thành).

2.2. Về tài sản chung: Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

2.4. Về án phí: Án phí ly hôn 150.000 đồng ông T tự nguyện nộp. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006620 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức. Trả lại cho ông T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Đương sự (2);
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng